

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LAI CHÂU****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **1796/QĐ-UBND**Thành phố Lai Châu, ngày **29** tháng **12** năm 2023**QUYẾT ĐỊNH**

V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 9 dự án: Nâng cấp, cải tạo tỉnh lộ 130 (San Thàng – Thèn Sin – Mường So) đối với hộ gia đình ông Lương Văn Ngoãn – Cư trú tại: Bản Lùng Than, xã San Thàng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 9 dự án: Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thàng – Thèn Sin – Mường So);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1025/TTr-TNMT ngày 29/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Lương Văn Ngoãn – Cư trú tại: Bản Lùng Than, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 31.286.358 đồng.

(Bằng chữ: Ba mươi một triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi tám đồng)

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:



- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thành.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Lương Văn Ngoãn có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- BQLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Lai Châu;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng



BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ (bổ sung lần 9)

Dự án: Nâng cấp đường Tỉnh lộ 130 (San Thành - Thèn Sin - Mường So)

(Kèm theo Quyết định số 1796 /QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6=4*5	
1	Họ và tên: Lương Văn Ngoãn					
	Địa chỉ thường trú: Bản Lùng Than - xã San Thành					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (Bảng a+b+c+d).					31,286,358
a	Về đất					1,816,700
1	Diện tích thu hồi	m ²	49.1			
2	Loại đất					
2.1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	49.1	37,000	1,816,700	
	Vị trí: vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 687 TĐĐ thu hồi số 4 theo hồ sơ địa chính thuộc một phần thửa đất số 645 TĐĐ số 4 quy chủ cho ông Lương Văn Quý. Hiện trạng do ông Lương Văn Ngoãn quản lý sử dụng có nguồn gốc: ông Lương Văn Ngoãn nhận tặng cho QSD đất của bố đẻ là ông Lương Văn Mù năm 2007 (không có giấy tờ), đất ông Mù khai hoang sử dụng từ trước năm 1993. Phần diện tích thu hồi đang chồng lấn lên thửa 474 TĐĐ địa chính số 6 quy chủ đất DGT do UBND xã quản lý, hiện trạng do ông Lương Văn Ngoãn quản lý sử dụng có nguồn gốc như trên.</p> <p>Nguyên nhân do các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.</p>					
b	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do ông Lương Văn Ngoãn tạo lập vào năm 2018. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất. Phần tài sản bán mái, nền bê tông dưới mái sử dụng sai mục đích, các tài sản còn lại sử dụng đúng mục đích.)					21,873,922
b1	Tài sản sử dụng sai mục đích hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường theo điểm c khoản 7 điều 21 QĐ 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020					
	<i>Phần tài sản thu hồi</i>					
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (2*7,7)	m ²	15.4	204,900	3,155,460	
2	Nền BT đá dăm dày 17 cm (2*7,7)	m ²	15.4	87,040	1,340,416	
3	Bồi đắp đất san nền bằng máy dưới 50 m (1,3*15,4 m ²)	m ³	20.0	6,750	135,135	
	Phần tài sản ảnh hưởng không sử dụng được					
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (3,5*7,7)	m ²	27.0	204,900	5,522,055	
2	Nền BT đá dăm dày 17 cm (3,5*7,7)	m ²	27.0	87,040	2,345,728	
b2	Tài sản sử dụng đúng mục đích hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c khoản 7 điều 21 QĐ 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020					
	Phần tài sản thu hồi					





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Nền BT đá dăm dày 10 cm (2*10)	m2	20.0	102,400	2,048,000
2	Kè đá xây (0,5*0,5*11) (phần đất vườn)	m3	2.8	481,200	1,323,300
3	Hàng rào lưới B40 (1,5*11) (trên kè đá)	m2	16.5	25,000	412,500
4	Ống nước HPDE phi 250 (PE100) PN6 dày 9,6 mm	m	8.0	499,000	3,992,000
5	Bồi đắp đất san nền bằng máy dưới 50 m (1,3*49 m2)	m3	63.7	13,500	859,950
6	Ống nước HPDE phi 20 (PE100) PN16 dày 2 mm	m	14.0	7,727	108,178
	Phần tài sản ảnh hưởng không sử dụng được				
1	Kè đá xây (0,5*0,5*4) (phần đất vườn)	m3	1.0	481,200	481,200
2	Hàng rào lưới B40 (1,5*4) (trên kè đá)	m2	6.0	25,000	150,000
c	Về cây cối hoa màu				2,145,636
1	Cây mía cao trên 1,2 m	cây	48	9,000	432,000
2	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 2	cây	4	89,999	359,996
3	Cây đu đủ đã cho thu hoạch	cây	1	144,000	144,000
4	Cây mắc ca trồng năm thứ 3	cây	3	228,254	684,762
5	2 Cây chuối đã có buồng	kg	40	6,000	240,000
6	Hoa hồng trồng trên 2 năm đã cho thu hoạch đảm bảo mật độ	m2	5.5	51,796	284,878
d	Về chính sách hỗ trợ				5,450,100
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	49.1	111,000	5,450,100

